

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 963/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 25/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

Ngày thi: 16/12/2023

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT2855	Nguyễn Thị Lan Anh	21/08/2000	Bắc Giang	Nữ	8.0	7.5	DBG016903	CNTT/23/4188	Đạt	
2	CNTT2856	Nguyễn Minh Chí	19/03/1988	Bắc Giang	Nam	7.5	8.5	DBG016904	CNTT/23/4189	Đạt	
3	CNTT2857	Nguyễn Thị Chi	19/11/1977	Bắc Giang	Nữ	7.7	7.0	DBG016905	CNTT/23/4190	Đạt	
4	CNTT2858	Nguyễn Thị Phương Dung	28/11/1981	Hà Nội	Nữ	7.5	7.5	DBG016906	CNTT/23/4191	Đạt	
5	CNTT2859	Nguyễn Văn Duy	01/09/1988	Bắc Giang	Nam	8.2	8.5	DBG016907	CNTT/23/4192	Đạt	
6	CNTT2860	Phạm Văn Đờm	28/02/1974	Bắc Giang	Nam	7.5	7.0	DBG016908	CNTT/23/4193	Đạt	
7	CNTT2861	Trương Mạnh Hà	23/10/1977	Bắc Giang	Nam	7.7	8.0	DBG016909	CNTT/23/4194	Đạt	
8	CNTT2862	Nguyễn Thị Hạnh	15/07/1976	Bắc Giang	Nữ	8.2	7.5	DBG016910	CNTT/23/4195	Đạt	
9	CNTT2863	Nguyễn Thị Hiệp	05/07/1986	Bắc Giang	Nữ	8.0	7.0	DBG016911	CNTT/23/4196	Đạt	
10	CNTT2864	Nguyễn Thị Minh Hiếu	10/05/1983	Bắc Giang	Nữ	7.7	7.5	DBG016912	CNTT/23/4197	Đạt	
11	CNTT2865	Phạm Ngọc Hiếu	04/10/1991	Bắc Giang	Nam	8.0	8.0	DBG016913	CNTT/23/4198	Đạt	
12	CNTT2866	Nguyễn Khánh Hòa	23/05/1992	Bắc Giang	Nữ	8.0	7.5	DBG016914	CNTT/23/4199	Đạt	
13	CNTT2867	Nghiêm Thu Hồng	25/08/1990	Bắc Giang	Nữ	7.2	7.0	DBG016915	CNTT/23/4200	Đạt	
14	CNTT2868	Trần Thị Hồng	18/07/1991	Bắc Giang	Nữ	8.0	8.0	DBG016916	CNTT/23/4201	Đạt	
15	CNTT2869	Trần Thị Ánh Hồng	17/10/1993	Bắc Giang	Nữ	7.7	7.5	DBG016917	CNTT/23/4202	Đạt	
16	CNTT2870	Vũ Cao Khải	22/09/1975	Bắc Giang	Nam	7.5	7.5	DBG016918	CNTT/23/4203	Đạt	
17	CNTT2871	Nguyễn Đức Kiên	26/09/1981	Bắc Giang	Nam	7.5	8.0	DBG016919	CNTT/23/4204	Đạt	
18	CNTT2872	Tạ Thị Linh	02/12/1976	Bắc Giang	Nữ	7.7	8.5	DBG016920	CNTT/23/4205	Đạt	
19	CNTT2873	Nguyễn Thị Loan	08/07/1987	Bắc Giang	Nữ	8.0	7.0	DBG016921	CNTT/23/4206	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
20	CNTT2874	Nguyễn Thị Thanh Loan	25/09/1987	Bắc Giang	Nữ	8.0	7.5	DBG016922	CNTT/23/4207	Đạt	
21	CNTT2875	Trần Thị Thanh Loan	18/12/1991	Bắc Giang	Nữ	7.7	7.5	DBG016923	CNTT/23/4208	Đạt	
22	CNTT2876	Trương Đức Mến	29/12/1978	Bắc Giang	Nam	7.5	8.0	DBG016924	CNTT/23/4209	Đạt	
23	CNTT2877	Diêm Thị Thương Thảo	20/05/1985	Bắc Giang	Nữ	7.5	7.5	DBG016925	CNTT/23/4210	Đạt	
24	CNTT2878	Tổng Thị Như Thuyết	25/11/1986	Bắc Giang	Nữ	8.0	7.0	DBG016926	CNTT/23/4211	Đạt	
25	CNTT2879	Tạ Thị Hương	02/02/1989	Bắc Giang	Nữ	8.2	8.0	DBG016927	CNTT/23/4212	Đạt	
26	CNTT2880	Trần Thị Luyến	18/10/1991	Bắc Giang	Nữ	8.2	8.0	DBG016928	CNTT/23/4213	Đạt	
27	CNTT2881	Phan Như Ngà	24/09/1990	Bắc Giang	Nữ	8.0	7.5	DBG016929	CNTT/23/4214	Đạt	
28	CNTT2882	Ngô Thị Ngân	03/02/1991	Bắc Giang	Nữ	7.7	8.0	DBG016930	CNTT/23/4215	Đạt	
29	CNTT2883	Trần Hoài Ngọc	18/03/2001	Bắc Giang	Nữ	8.0	7.0	DBG016931	CNTT/23/4216	Đạt	
30	CNTT2884	Nguyễn Văn Nhấn	20/10/1975	Bắc Giang	Nam	7.5	7.5	DBG016932	CNTT/23/4217	Đạt	
31	CNTT2885	Nguyễn Thị Nhu	13/04/1979	Bắc Giang	Nữ	7.7	7.5	DBG016933	CNTT/23/4218	Đạt	
32	CNTT2886	Vũ Thị Ninh	15/10/1980	Bắc Giang	Nữ	8.0	8.0	DBG016934	CNTT/23/4219	Đạt	
33	CNTT2887	Nguyễn Vũ Hoàng Phước	30/04/1992	Nghệ An	Nam	7.7	7.0	DBG016935	CNTT/23/4220	Đạt	
34	CNTT2888	Nguyễn Đình Phương	20/10/1968	Bắc Giang	Nam	7.5	7.0	DBG016936	CNTT/23/4221	Đạt	
35	CNTT2889	Diêm Thị Quyên	07/12/1991	Bắc Giang	Nữ	8.2	7.0	DBG016937	CNTT/23/4222	Đạt	
36	CNTT2890	Hoàng Thị Quyên	11/06/1989	Bắc Giang	Nữ	8.0	7.5	DBG016938	CNTT/23/4223	Đạt	
37	CNTT2891	Thân Thị Quyên	26/10/1974	Bắc Giang	Nữ	7.5	7.0	DBG016939	CNTT/23/4224	Đạt	
38	CNTT2892	Nguyễn Văn Quyết	21/01/1989	Thái Bình	Nam	8.2	8.0	DBG016940	CNTT/23/4225	Đạt	
39	CNTT2893	Nguyễn Thị Sen	15/12/1985	Bắc Giang	Nữ	8.0	8.5	DBG016941	CNTT/23/4226	Đạt	
40	CNTT2894	Lê Thị Minh Tâm	04/10/1982	Bắc Giang	Nữ	7.7	7.5	DBG016942	CNTT/23/4227	Đạt	
41	CNTT2895	Nguyễn Ngọc Tân	01/09/1982	Hải Dương	Nam	8.0	7.0	DBG016943	CNTT/23/4228	Đạt	
42	CNTT2896	Nguyễn Văn Thành	09/02/1978	Bắc Giang	Nam	7.5	7.0	DBG016944	CNTT/23/4229	Đạt	
43	CNTT2897	Đặng Thị Thao	16/12/1990	Bắc Giang	Nữ	8.0	7.5	DBG016945	CNTT/23/4230	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
44	CNTT2898	Vũ Thị Thảo	28/08/1976	Bắc Giang	Nữ	7.7	7.0	DBG016946	CNTT/23/4231	Đạt	
45	CNTT2899	Nguyễn Thị Thu	24/05/1978	Bắc Giang	Nữ	7.7	7.0	DBG016947	CNTT/23/4232	Đạt	
46	CNTT2900	Nguyễn Công Tư	05/09/1986	Bắc Giang	Nam	8.0	7.0	DBG016948	CNTT/23/4233	Đạt	
47	CNTT2901	Ngô Thị Vững	06/09/1976	Bắc Giang	Nữ	7.5	7.5	DBG016949	CNTT/23/4234	Đạt	
48	CNTT2902	Dương Văn Xuân	19/06/1988	Bắc Giang	Nam	8.2	7.0	DBG016950	CNTT/23/4235	Đạt	
49	CNTT2903	Đỗ Thị Xuyên	10/10/1987	Bắc Giang	Nữ	8.0	8.0	DBG016951	CNTT/23/4236	Đạt	
50	CNTT2904	Lương Thị Ánh	12/06/1991	Bắc Giang	Nữ	8.0	7.0	DBG016952	CNTT/23/4237	Đạt	
51	CNTT2905	Trần Thị Chinh	04/04/1973	Bắc Giang	Nữ	7.7	7.5	DBG016953	CNTT/23/4238	Đạt	
52	CNTT2906	Hoàng Văn Đốc	10/09/1992	Bắc Giang	Nam	8.0	7.0	DBG016954	CNTT/23/4239	Đạt	
53	CNTT2907	Dương Hồng Hạnh	20/12/1993	Bắc Giang	Nữ	8.2	7.0	DBG016955	CNTT/23/4240	Đạt	
54	CNTT2908	Hoàng Hải Hoàn	20/05/1993	Bắc Giang	Nam	7.7	7.0	DBG016956	CNTT/23/4241	Đạt	
55	CNTT2909	Nguyễn Huy Hoàng	06/11/1985	Quảng Ninh	Nam	8.0	7.5	DBG016957	CNTT/23/4242	Đạt	
56	CNTT2910	Lê Văn Hoạt	20/11/1988	Bắc Giang	Nam	8.2	8.5	DBG016958	CNTT/23/4243	Đạt	
57	CNTT2911	Hoàng Thị Hương	24/11/1998	Bắc Giang	Nữ	8.0	7.0	DBG016959	CNTT/23/4244	Đạt	
58	CNTT2912	Lê Thị Hường	24/08/1976	Bắc Giang	Nữ	7.5	7.5	DBG016960	CNTT/23/4245	Đạt	
59	CNTT2913	Đàm Trung Kiên	08/04/1992	Bắc Giang	Nam	8.2	8.5	DBG016961	CNTT/23/4246	Đạt	
60	CNTT2914	Nguyễn Thị Lanh	04/07/1978	Bắc Giang	Nữ	7.5	7.0	DBG016962	CNTT/23/4247	Đạt	
61	CNTT2915	Lương Thị Linh	16/12/1987	Bắc Giang	Nữ	7.7	7.5	DBG016963	CNTT/23/4248	Đạt	
62	CNTT2917	Nguyễn Văn Nam	20/11/1993	Bắc Giang	Nam	8.0	7.0	DBG016964	CNTT/23/4249	Đạt	
63	CNTT2918	Nguyễn Thị Nhâm	28/07/1986	Bắc Giang	Nữ	8.2	8.0	DBG016965	CNTT/23/4250	Đạt	
64	CNTT2919	Lê Thị Oánh	02/10/1978	Bắc Giang	Nữ	7.7	7.0	DBG016966	CNTT/23/4251	Đạt	
65	CNTT2920	Nguyễn Hoàng Quân	01/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	7.0	DBG016967	CNTT/23/4252	Đạt	
66	CNTT2921	Hoàng Thị Tú Quyên	26/10/1992	Bắc Giang	Nữ	7.7	7.0	DBG016968	CNTT/23/4253	Đạt	
67	CNTT2922	Nguyễn Trung Thành	20/09/1989	Bắc Giang	Nam	8.0	7.5	DBG016969	CNTT/23/4254	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
68	CNTT2923	Đồng Thị Thúy	06/12/1988	Bắc Giang	Nữ	8.2	7.0	DBG016970	CNTT/23/4255	Đạt	
69	CNTT2924	Lê Thu Thủy	30/06/1983	Bắc Giang	Nữ	7.7	7.5	DBG016971	CNTT/23/4256	Đạt	
70	CNTT2925	Vũ Đức Toàn	05/10/1977	Bắc Giang	Nam	8.0	8.5	DBG016972	CNTT/23/4257	Đạt	
71	CNTT2926	Bùi Thị Huyền Trang	27/05/1993	Bắc Giang	Nữ	7.7	8.5	DBG016973	CNTT/23/4258	Đạt	
72	CNTT2927	Nguyễn Đức Tú	01/08/1990	Bắc Giang	Nam	8.0	7.0	DBG016974	CNTT/23/4259	Đạt	
73	CNTT2928	Ninh Quang Tuấn	08/08/1999	Bắc Giang	Nam	8.2	7.5	DBG016975	CNTT/23/4260	Đạt	
74	CNTT2929	Cao Thị Minh Tuyết	18/02/1995	Bắc Giang	Nữ	8.0	7.0	DBG016976	CNTT/23/4261	Đạt	
75	CNTT2930	Nguyễn Thảo Xuân	10/06/2006	Tây Ninh	Nữ	7.0	8.0	DBG016977	CNTT/23/4262	Đạt	

Danh sách có 75 thí sinh./.